

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 62/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn C**, sinh năm 1978
Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông **Bùi Văn C** và bà **Nguyễn Thị H**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Bùi Văn C** và bà **Nguyễn Thị H** thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Bùi Văn C** và bà **Nguyễn Thị H** thống nhất giao cả 02 con chung là **Bùi Minh C**, sinh ngày 24/5/2005 và **Bùi Thị Huyền T**, sinh ngày 12/7/2011 cho bà **Nguyễn Thị H** trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi

các con chung đủ 18 tuổi, ông Bùi Văn C đồng ý cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/cháu/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 06/2020.

“Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình”.

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự”.

- Về tài sản chung: Ông Bùi Văn C và bà Nguyễn Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Bùi Văn C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền 300.000 đồng ông Chính đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số AA/2016/0019650 ngày 14/5/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã X, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Biên